

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST

Ngày 08/8/2023

“Tranh chấp hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân:- Ông Nguyễn Thế Vinh

- Bà Phan Thị Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Duy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Ông Trương Quang Thành – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2022/TLST-HNGĐ ngày 07/10/2022 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST- DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lưu Thúy D, sinh năm 1998

Trú tại: Thôn M, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn A, sinh năm 1993

Trú tại: Thôn H, xã E, Huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Lưu Thúy D trình bày:

Tôi và ông Nguyễn A là người thân quen, có thời gian tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk ngày 25/7/2017. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống với nhau tại nhà bố mẹ tôi tại thôn M, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, hạnh phúc được thời gian ngắn. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã và xô xát lẫn nhau. Hiện vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay tôi xét thấy không còn tình cảm với ông Nguyễn A nên tôi làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/7/2014. Hiện cháu đang ở với tôi, nay vợ chồng ly hôn tôi yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu cho tôi tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về trợ cấp nuôi con: Tôi đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.
Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn ông Nguyễn A trình bày:

Tôi và bà Lưu Thúy D chung sống với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện C vào năm 2017 như bà D trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, chúng tôi sống với nhau nhà bố mẹ cô D ở thôn M, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Qua thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai người không hợp tính nhau, bất đồng quan điểm sống, bà D không quan tâm đến cuộc sống gia đình, chồng con nên đã ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà D làm đơn xin ly hôn thì tôi cũng đồng ý, yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi và bà D được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/7/2014. Hiện cháu đang ở với bà D, nay vợ chồng ly hôn tôi yêu cầu Tòa án giải quyết giao cháu cho tôi được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu bà D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện thủ tục tố tụng đúng theo trình tự quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Ông Nguyễn A đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do là không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, đề nghị xét xử vụ án theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 58; 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thúy D.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lưu Thúy D và ông Nguyễn A.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/7/2014 cho bà Lưu Thúy D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho cháu Nguyễn Gia B số tiền 1.200.000 đồng/tháng cho đến khi cháu tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Bà Lưu Thúy D làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn A là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, bị đơn ông Nguyễn A có nơi cư trú tại thôn H, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin

Ông Nguyễn A là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa ...v.v nhưng vẫn cố tình vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt ông Nguyễn A.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lưu Thúy D và ông Nguyễn A là người thân quen, có thời gian tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk ngày 25/7/2017. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ bà D ở thôn M, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, sống hạnh phúc được thời gian ngắn. Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã và xô xát lẫn nhau. Hiện vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay bà Lưu Thúy D xét thấy không còn tình cảm với ông Nguyễn A nên làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn, phía bị đơn là ông Nguyễn A cũng đồng ý. Nhận thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên cần chấp nhận. Tuy nhiên do ông Nguyễn A vắng mặt tại phiên tòa nên không thể ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn mà cần xét xử để đảm quyền kháng cáo cho đương sự vắng mặt.

Về con chung: Quá trình chung sống bà D và ông Nguyễn A có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/7/2014. Hiện cháu đang ở với bà Lưu Thúy D, cháu B có nguyện vọng được ở với mẹ. Phía ông Nguyễn A cũng có nguyện vọng được nuôi con chung nhưng HĐXX nhận thấy, để thuận tiện cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, học tập và ổn định cuộc sống của cháu Nguyễn Gia B cần giao cháu B cho bà Lưu Thúy D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của bà Lưu Thúy D, ông Nguyễn A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng theo quy định của pháp luật, cho đến khi cháu trưởng thành.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Lưu Thúy D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Ông Nguyễn A phải chịu án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 53; 56; 58; 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lưu Thúy D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Lưu Thúy D và ông Nguyễn A.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 08/7/2014 cho bà Lưu Thúy D trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn A có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Gia B số tiền 1.200.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Bảo tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Bà Lưu Thúy D phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0017328 ngày 03/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk. Ông Nguyễn Anh phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện C;
- THADS C;
- Các đương sự;
- UBND xã E;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

LÊ LỢI